

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

**Đối tượng đăng ký:** Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

**Ngành:** Kinh tế; **Chuyên ngành:** (1) Lý thuyết kinh tế; (2) Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** Phùng Thế Đông

**2. Ngày tháng năm sinh:** 21/6/1984;  Nam;  Nữ;  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Thôn 6, xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

**6. Địa chỉ liên hệ:** Khoa Chính sách công, Học viện Chính sách và Phát triển; Điện thoại  
CĐ: 024.8586.3090; Điện thoại di động: 0947.797.075; E-mail: [pthedong@gmail.com](mailto:pthedong@gmail.com)

**7. Quá trình công tác**

- Từ tháng 2/2003 đến 6/2009: Sinh viên, Đại học Giao thông đường bộ Matxcova, TP. Matxcova, Liên bang Nga;

- Từ tháng 10/2009 đến 1/2011: Giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng, Đại học Hòa Bình;

- Từ tháng 1/2011 đến 7/2015: Nghiên cứu sinh, Đại học Kinh tế, Thống kê, Tin học Matxcova (Nay là Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Plekhanov), TP. Matxcova, LB Nga;

- Từ tháng 8/2015 đến 1/2017: Giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng, Đại học Hòa Bình;

- Từ tháng 2/2017 đến nay: Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa Chính sách công, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và đầu tư. Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa;

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Chính sách công, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Địa chỉ cơ quan: Khu Đô Thị Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội;

- Điện thoại cơ quan: 04.3747.3186; Fax: 04 3747 5217.

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng:** không

## **9. Trình độ đào tạo**

- Được cấp bằng đại học ngày 01 tháng 7 năm 2009, ngành: Kinh tế học, chuyên ngành: Kinh tế học. Số bằng: DIB 0039903. Nơi cấp bằng đại học: Đại học Giao thông đường bộ Matxcova, TP. Matxcova, Liên bang Nga;

- Được cấp bằng sau đại (hệ chuyên gia 5 năm) ngày 01 tháng 7 năm 2009, ngành: Kinh tế-quản lý, chuyên ngành: Kinh tế và quản lý doanh nghiệp. Số bằng: DIS 0056459. Nơi cấp bằng: Đại học Giao thông đường bộ Matxcova, TP. Matxcova, Liên bang Nga;

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày 31 tháng 03 năm 2016, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: (1) Lý thuyết kinh tế; (2) Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng. Số bằng: №018864. Số quyết định 371/NK-7, ngày 31/3/2016. Nơi cấp bằng tiến sĩ: Đại học Kinh tế, Thông kê, và Tin học Matxcova (Nay là trường Đại học Kinh tế quốc dân, Plekhanov, TP. Matxcova, Liên bang Nga).

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** *không*

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở:** Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành:** Kinh tế

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

Sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ kinh tế, hai (02) chuyên ngành là: (1) Lý thuyết kinh tế; và (2) Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng tại Liên bang Nga, ngoài việc tiếp tục duy trì lĩnh vực nghiên cứu về lý thuyết kinh tế vĩ mô liên quan đến lý thuyết tăng trưởng kinh tế, khủng hoảng và chu kỳ kinh tế; lý thuyết tiền tệ và lạm phát; lý thuyết quản lý hệ thống kinh tế; chiến lược và sách lược trong việc sử dụng các công cụ điều tiết tiền tệ; sử dụng công cụ toán, thống kê trong phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô, tôi đã mở rộng thêm hướng nghiên cứu về chính sách kinh tế vĩ mô, liên quan đến các vấn đề, như: tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế; chính sách phát triển doanh nghiệp; nợ công và quản lý nợ công. Cụ thể theo hai (02) hướng nghiên cứu chủ yếu như sau:

(1) *Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia:* nghiên cứu về vai trò của ngân hàng trung ương trong điều hành chính sách tiền tệ; các công cụ điều tiết tiền tệ của ngân hàng trung ương (lãi suất, tỷ giá, cung-cầu tiền tệ, thị trường tiền tệ,...); hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng; thị trường tiền tệ;

(2) *Chính sách kinh tế vĩ mô:* nghiên cứu về tái cấu trúc nền kinh tế (tái cấu trúc đầu tư công, tái cấu trúc tổ chức tài chính-ngân hàng, tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước); đổi mới mô hình tăng trưởng; nợ công và quản lý nợ công; phối hợp chính sách tài chính-tiền tệ; chính sách kinh tế vĩ mô và cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn 10 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

- Đã tham gia và hoàn thành 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước;
- Đã tham gia và hoàn thành 01 nhiệm vụ quốc gia (thư ký);
- Đã hoàn thành 4 đề tài/đề án NCKH cấp cơ sở (2 chủ nhiệm, 02 thành viên);
- Đã tham gia xây dựng/góp ý chương trình đào tạo, đề cương môn học; tham gia Hội đồng đánh giá thẩm định nhiều đề án mở mã ngành, đề cương chương trình đào tạo;
- Đã tham gia nhiều Hội đồng khoa học đánh giá luận văn/luận án, đề tài/đề án các cấp trong và ngoài Cơ quan; Tham gia nghiên cứu và tư vấn chính sách kinh tế vĩ mô cho Cơ quan, phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu tư vấn và phản biện chính sách cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đã công bố: 52 bài báo khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó: 14 bài báo khoa học trong nước, 38 bài báo khoa học ở nước ngoài (trong đó có 8 bài thuộc danh mục ISI (web of science), Scopus); xuất bản 04 sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ nghiên cứu và đào tạo tại Cơ quan.

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

- ✓ Giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại LB Nga cho “Đại biểu liên hoan thanh niên sinh viên tiên tiến tại LB Nga năm 2013 và có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện”, ngày 23.09.2013 tại Matxcova, LB Nga”.
- ✓ Giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại LB Nga cho thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện năm 2012 – 2013, ngày 25.09.2013 tại Matxcova, LB Nga.
- ✓ Giấy khen của Đảng ủy ngoài nước tại LB Nga cho Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2014, ngày 22.01.2015 tại Matxcova, LB Nga.
- ✓ Danh hiệu lao động tiên tiến các năm 2017-2018, theo Quyết định số: 983/QĐ-HVCSPT, ngày 28/12/2018.
- ✓ Danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm 2017-2018, theo Quyết định số: 983/QĐ-HVCSPT, ngày 28/12/2018.
- ✓ Giấy khen của Đảng ủy BCH Đảng bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, Theo Quyết định số 57-QĐ/ĐUBKHĐT, ngày 12/3/2019.
- ✓ Giấy khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quyết định số: 25/QĐ-CĐBKHĐT, ngày 13/3/2019.

**16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *Không*

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo**

Giáo dục và đào tạo là lĩnh vực nghề nghiệp đặc biệt, yêu cầu người hành nghề không chỉ phải có đạo đức nghề nghiệp, đam mê và nhiệt huyết, mà còn yêu cầu phải có chuyên môn nghiệp vụ cao, nhất là trong giáo dục đại học, yêu cầu cao về khả năng, say mê nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong giảng dạy và phương pháp giảng dạy. Xuất phát từ yêu cầu đó,

trong hơn 10 năm trong nghề, tôi luôn phấn đấu, rèn luyện bản thân cả về đạo đức nghề nghiệp lẫn chuyên môn nghiệp vụ:

- *Về phẩm chất chính trị:* trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Cơ quan và địa phương nơi cư trú.

- *Về đạo đức, lối sống:* giữ phẩm chất đạo đức của một người thầy, yêu nghề và trách nhiệm, được bản bè, học trò tôn trọng, quý mến. Tôi lựa chọn cho mình lối sống giản dị, hòa đồng và chia sẻ.

- *Về công tác giảng dạy:* chủ động tham khảo đa dạng tư liệu trong nước và quốc tế, làm phong phú bài giảng, biên soạn tài liệu bài giảng, tài liệu hướng dẫn nghiên cứu môn học; hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học; thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng nhà giáo, nhà khoa học.

- *Về công tác nghiên cứu khoa học:* chủ động đứng ra nhận nhiệm vụ nghiên cứu, tổ chức và hoàn thiện nghiên cứu trong nhiều vai trò, từ thành viên cho đến chủ nhiệm đề tài cho Cơ quan theo nhu cầu; độc lập thực hiện các nghiên cứu và công bố nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín, cũng như xuất bản tài liệu dưới dạng sách; tham gia Hội đồng thẩm định đề cương, giáo trình, chương trình đào tạo trong và ngoài Cơ quan, cũng như tham gia Hội đồng khoa học với vai trò là ủy viên, thư ký, phản biện về đánh giá đề tài, đề án, luận văn đại học, sau đại học; tham gia nghiên cứu tư vấn và phản biện một số vấn đề chính sách kinh tế vĩ mô cho Cơ quan theo chức năng nhiệm vụ.

## 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số 8 năm;

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011					180		180/180/280
2	2011-2012				7	180		180/285/280
3	2015-2016					180		180/180/270
4	2016-2017					180		180/180/270
3 năm học cuối								
5	2017-2018			2	7	150	90	240/405/270
6	2018-2019			6	12	270	150	420/780/270
7	2019-T6/2020			2		300	60	360/420/270

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Nga, tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: LB Nga; Từ năm 2003 đến năm 2009

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: LB Nga, 2011-2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): (1) Chứng chỉ tiếng anh giao tiếp ESL của Việt Quốc tế Cebu, Phillippines; (2) Chứng chỉ tiếng Anh “progress to proficiency” của ĐH Ngoại ngữ Hyderabad, Ấn Độ.

### 4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày cấp bằng/quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Vi Lương Anh		x	x		2017-2018	ĐH Thủy Lợi	05/03/2018 178/QĐ-ĐHTL
2	Hoàng Đức Thuận		x	x		2017-2018	ĐH Thủy Lợi	05/03/2018 178/QĐ-ĐHTL
3	Nguyễn Việt Anh		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	13/8/2019 600/QĐ-HVCSPT
4	Phan Thế Anh		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	13/8/2019 600/QĐ-HVCSPT
5	Phạm Thị Diễm		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	04/9/2019 731/QĐ-HVCSPT
6	Phạm Hồng Quân		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	04/9/2019 731/QĐ-HVCSPT
n7	Trần Thị Bích Đào		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	04/9/2019 731/QĐ-HVCSPT
8	Lê Mạnh Hùng		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	04/9/2019 731/QĐ-HVCSPT
9	Bùi Quý Thu		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	20/01/2020 50/QĐ-HVCSPT
10	Lê Hữu Cường		x	x		2019-2020	HV Chính sách và Phát triển	8.04.2020 244/QĐ-HVCSPT
11	Lê Văn Hiếu		x	x		2018-2019	HV Chính sách và Phát triển	Chờ lấy bằng
12	Nguyễn Thị Lê Na		x	x		2018-2020	HV Chính sách và Phát triển	Chờ lấy bằng

13	Nguyễn Thị Thanh Loan		x		x	2019-2020	HV Chính sách và Phát triển	Chờ bảo vệ
14	Kim Đức Tuân		x	x		2019-2020	HV Chính sách và Phát triển	Chờ bảo vệ
15	Đỗ Văn Luận		x	x		2018-2020	HV Chính sách và Phát triển	Đang thực hiện LV
16	Nguyễn Sơn Tùng		x	x		2018-2020	HV Chính sách và Phát triển	Đang thực hiện LV

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách	NXB và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH
<b>Sau bảo vệ TS</b>							
1	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	CK	NXB Quân đội nhân dân, 2018. ISBN: 978-604-51-4343-8 <i>Sách được NXB Quân đội nhân dân lựa chọn và chuyển thể sang xuất bản phiên bản tiếng Anh, ISBN: 978-604-51-5806-7</i>	2	Đồng chủ biên	Sách có 387 trang, trực tiếp viết chương 1 và chương 3. Trang 11-84; 195-381.	Học viện Chính sách và Phát triển
2	Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng ở Việt Nam	TK	NXB Dân trí, 2019 ISBN: 978-604-88-7330-1	5	Thành viên	Sách có 236 trang, trực tiếp viết mục 2.2, chương 2, trang 114-181	Học viện Chính sách và Phát triển
3	Tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	TK	NXB Quân đội nhân dân, 2019 ISBN: 978-604-51-5557-8	2	Đồng chủ biên	Sách có 228 trang, trực tiếp viết chương 1, 2, và 4. Trang 7-141; trang 156-204.	Học viện Chính sách và Phát triển
4	Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam (sách chuyên khảo)	CK	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019. ISBN: 978-604-946-765-3	Nhiều tác giả	Thành viên	Trưởng nhóm biên soạn chương 2, biên soạn mục 2.5-2.8, chương 2), Trang 103-113.	Học viện Chính sách và Phát triển

Ghi chú: CK-chuyên khảo; TK-tham khảo

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau TS: 2 (TT: 1,4)

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Trách nhiệm	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/Xếp loại KQ
1	Đề tài: Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	Chủ nhiệm	APD/2018/B01, Học viện Chính sách và Phát triển	2018-2019	28/02/2019 Đạt
2	Đề tài: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, việc làm và năng suất lao động ở Việt Nam	Chủ nhiệm	APD/2019/C02, Học viện Chính sách và Phát triển	2019-2020	20/01/2020 Đạt
3	Đề tài: Tác động của chính sách tiền tệ đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Thư ký	APD/2019/C14, Học viện Chính sách và Phát triển	2019-2020	27/04/2020 Đạt
4	Đề tài: Luận cứ khoa học cho việc hình và phát triển thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng của Việt Nam	Chủ nhiệm đề tài nhánh	KX.01/16-20, Bộ Khoa học và Công nghệ	2017-2020	09/6/2020 Đạt
5	Nhiệm vụ quốc gia: Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2020 và vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2030. Kế hoạch 5 năm 2021-2025	Thư ký	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2019-2020	22/4/2020 Đạt
6	Đề án: Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp 4.0 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Nghiên cứu ngành tài chính – ngân hàng	Thành viên	Học viện Chính sách và Phát triển	2018-2019	02/11/2018 Đạt
7	Đề án: Xây dựng tạp chí Chính sách và Phát triển thuộc Học viện Chính sách và Phát triển	Thành viên	Học viện Chính sách và Phát triển	2017	14/12/2017 Đạt
<b>Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang thực hiện</b>					
1	Tính độc lập của ngân hàng trung ương: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	Chủ nhiệm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2020-2021	Tháng 5/2021

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

### 7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>Trước bảo vệ luận án TS</b>								
1	Трансмиссионный механизм денежно-кредитной политики в условиях Вьетнама	1	Một mình	Экономика, статистика и информатика. Вестник УМО/ISSN: 2500-3925	VAK		2: 79-81	2013
2	Оценка эффективности процентной политики при проведении денежно-кредитной политики Вьетнама	1	Một mình	Экономика, статистика и информатика. Вестник УМО/ISSN: 2500-3925	VAK		5: 36-40	2013
3	Анализ возможности использования лимитов кредитования во Вьетнаме на современном этапе	1	Một mình	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		6(19): 1-17	2013
4	Ограничения в установлении пенсионного возраста и определении уровня пенсионных выплат во Вьетнаме	2	Tác giả chính	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		6(19): 1-10	2013
5	Ценности вьетнамских студентов: гендерный аспект	2	Tác giả chính	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		6(19): 1-9	2013
6	Повышение эффективности политики валютного курса во Вьетнаме на современном этапе	1	Một mình	Экономика, статистика и информатика. Вестник УМО/ISSN: 2500-3925	VAK		1: 128-132	2014
7	Оценка эффективности инструмента обязательных резервов при проведении денежно-кредитной политики Вьетнама	1	Một mình	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		1(20): 1-11	2014
8	Оценка эффективности инструмента операций на открытом рынке при проведении денежно-кредитной политики Вьетнама	1	Một mình	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		2(21):	2014



9	Мировой опыт использования центральными банками инструментов денежно-кредитного регулирования в условиях финансового кризиса 2008-2014 годов	2	Thành viên	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		6(25): 1-18	2014
10	Эмпирические исследования спроса на деньги и методика определения функции спроса на деньги во вьетнамской экономике	1	Một mình	Интернет-журнал «Науковедение» /ISSN: 2223-5167	VAK		6(25): 1-17	2014
11	Анализ факторов, влияющих на эффективность денежно-кредитной политики Вьетнама	1	Một mình	научный интернет-журнал «Мир Науки» / ISSN: 2658-6282	VAK		4(6):	2014
12	Роль и место центрального банка в системе денежно-кредитного регулирования на современном этапе.	1	Một mình	научный интернет-журнал «Мир Науки» / ISSN: 2658-6282	VAK		4(6)	2014
<b>Các bài viết đăng kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b>								
13	Политика таргетирования инфляции в денежно-кредитной политике Вьетнама	1	Một mình	IV международная научно-практическая конференция «модель менеджмента для экономики, основанной на знаниях». Материалы конференции / ISBN: 978-5-7764-0739-0			146-148	2012
14	Цели денежно - кредитной политики государственного банка Вьетнама	1	Một mình	Всероссийская научно-практическая конференция «Бухгалтерский учет, анализ, аудит и налогообложение: проблемы и перспективы». ISBN: 978-5-94338-587-2			199-205	2013

15	Сущность денежно-кредитной политики в условиях Вьетнама	2	Tác giả chính	XIII Международная научно-практическая конференция «реформирование системы управления на современном предприятии». ISBN: 978-5-94338-592-6			142-147	2013
16	Анализ трансмиссионного механизма денежно - кредитной политики в условиях вьетнамской экономики	3	Thành viên	XIII Всероссийская научно-практическая конференция «Опыт и проблемы маркетинговой деятельности в российском предпринимательстве и бизнесе». ISBN: 978-5-94338-618-3			31-35	2013
17	Анализ инструментов денежно-кредитной политики государственного банка Вьетнама	3	Tác giả chính	III Международная научно-практическая конференция «Организационно-экономические и технологические проблемы модернизации экономики России» /ISBN: 978-5-94338-613-8			100-105	2013
18	Влияние инструментов денежно-кредитной политики на процентную ставку по межбанковским кредитам	2	Tác giả chính	XIII Всероссийская научно-практическая конференция «Опыт и проблемы маркетинговой деятельности в российском предпринимательстве и бизнесе». ISBN: 978-5-94338-618-3			54-58	2013
19	Влияние процентной политики на макроэкономическую стабильность экономики Вьетнама	1	Một mình	XI международная научно-практическая конференция «опыт и проблемы социально-экономических			39-45	2013

				преобразований в условиях трансформации общества: регион, город, предприятие». ISBN: 978-5-94338-618-3				
20	Повышение эффективности платежного состояния по пенсионному страхованию во Вьетнаме на современном этапе	2	Tác giả chính	XII международная научно-практическая конференция «макроэкономические проблемы современного общества (федеральный и региональный аспекты). ISBN: 978-5-94338-651-0			104-109	2013
21	Анализ режима валютного курса во Вьетнаме	3	Tác giả chính	II Всероссийская научно-практическая конференция «Бухгалтерский учет, анализ, аудит и налогообложение: проблемы и перспективы». ISBN: 978-5-94338-650-3			42 - 47	2014
22	Основные направления и тенденции нормы обязательных резервов Госбанка Вьетнама	2	Tác giả chính	II Всероссийская научно-практическая конференция «Бухгалтерский учет, анализ, аудит и налогообложение: проблемы и перспективы». ISBN: 978-5-94338-650-3			47 – 53	2014
23	Анализ инструмента рефинансирования при проведении денежно-кредитной политики Вьетнама	2	Tác giả chính	XI международная научно-практическая конференция «проблемы социально-экономической устойчивости региона»/ISBN 978-5-94338-654-1			26-30	2014

Sau bảo vệ luận án tiến sĩ								
24	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam	2	Thành viên	Tạp chí thông tin đối ngoại / ISSN: 1859-0543			8(149): 44-47	2016
25	Một số vấn đề về nợ công ở Việt Nam hiện nay	1	Một mình	Tạp chí kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương / ISSN: 0868-3808			487 (2): 43-46	2017
26	Cơ sở hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam	4	Tham gia	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Điều kiện hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam” / ISBN: 978-604-88-5438-6			47-55	2017
27	Giải pháp điều hành chính sách tiền tệ trong những tháng cuối năm 2018	2	Tham gia	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			523 (681): 79-81	2018
28	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển công nghiệp ưu tiên ở Việt Nam.	1	Một mình	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN: 0866-7120			35 (681): 13-17	2018
29	Tư duy của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	2	Tác giả chính	Hội thảo Khoa học Quốc gia: Nâng cao năng lực huy động vốn thông qua minh bạch hoạt động tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam ISBN: 978-604-59-7355-4			126-133	2018
30	Đa dạng hóa nguồn vốn chính thức cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN: 0866-7120			10(692): 47-50	2019
31	Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương/ ISSN: 0868-3808			537: 37-39	2019
32	Tác động của lao động và nguồn vốn đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí tài chính /ISSN: 2615-8973			704: 64-69	2019
33	Giải pháp hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	Một mình	Tạp chí công thương ISSN: 0866-7756			6: 197-204	2019
34	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam phát triển trong giai đoạn hiện nay	1	Một mình	Tạp chí tài chính /ISSN: 2615-8973			714: 101-104	2019

35	Hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế ở Việt Nam	2	Tham gia	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN: 0866-7120			1+2 (719+720): 41-45	2020
36	Thúc đẩy hiệu quả liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp khoa học công nghệ tại TP. Hà Nội	2	Tham gia	Tạp chí tài chính ISSN: 2615-8973			728 (5): 194-197	2020
37	Chính sách tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam đến năm 2025	2	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN: 0866-7120			735(17): 16-21	2020
<b>Tạp chí quốc tế (tiếng Anh)</b>								
38	Solutions for Vietnamese labor market in condition of forming asean economic community	2	Tham gia	Economy and Business: Theory and Practice/ ISSN 2411-0450	GIF: 0.565		1: 156-162	2016
39	The relationship between fiscal status with economic growth, inflation and unemployment in Vietnam period 1996-2016	2	Tác giả chính	International Journal of Research in Economics and Social Sciences/ ISSN: 2249-7382	IF: 6.939		7(7): 1-10.	2017
40	Analysis of factors impacting on money demand in Vietnam	2	Tác giả chính	International Journal of Research in Finance and Marketing / ISSN: 2231-5985	IF: 6.397		7(7): 41-51	2017
41	The development of marine economy in Vietnam	2	Tham gia	European Journal of Management / ISSN: 1555-4015	ICI, ARC		18 (2): 148-154	2018
42	A structural and parametric synthesis method for type-optimal multipurpose system of unmanned aerial vehicles (UAVs) sensing tropical cyclones.	3	Tham gia	International Journal of Applied Mathematics and Statistics/ISSN 0973-1377	ISI (web of science); Scopus, (2003-2013)		58 (3): 21-34.	2019
43	The Stochastic Frontier Production Function (SFPF) Approach for the Analysis of Ownership Structure and Technical Efficiency of Construction Enterprises	3	Tác giả chính	International Journal of Applied Mathematics and Statistics/ISSN 0973-1377	ISI (web of science); Scopus, (2003-2013)		58 (4): 61-74	2019
44	Application of the statistical method of the stable design solutions synthesis for UAV's development	3	Tham gia	Advances and Applications in Statistic/ISSN: 0972-3617	ISI (web of science)		59 (1): 43-54	2019

45	Foreign investment, corporate governance and firm performance in Vietnam listed companies	3	Tác giả chính	Indian Journal of Economics and Development/ ISSN: 2277-5412	ISI (web of science); Scopus		15(4): 499-507	2019
46	Forecasting the development of foreign trade of Russia and Vietnam until 2025 based on logistic curve	4	Tham gia	Advances and Applications in Statistics/ISSN: 0972-3617	ISI (web of science)		60 (1): 63-78	2020
47	The application of Logistic model in identifying factors affecting capital access of SMEs in Vietnam	3	Tác giả chính	Advances and Applications in Statistics/ISSN: 0972-3617	ISI (web of science)		61 (1): 19-32	2020
48	Estimation of Factors Affecting Job Migration in Vietnam	2	Tác giả chính	Indian Journal of Economics and Development / ISSN: 2277-5412	ISI (web of science); Scopus		16 (1): 9-17	2020
49	Situation of Developing Small and Medium Enterprises in Vietnam	2	Tham gia	International Journal of Research in Economics and Social Sciences/ ISSN: 2249-7382	IF: 6.939		9 (12): 58-66	2020
50	Estimation of factors affecting the operational efficiency of real estate enterprises in Vietnam	2	Tác giả chính	Economics/ ISSN: 2410-289X	VAK		2(45): 23-31	2020
51	An empirical study of the effect of monetary policy on the economic growth of Vietnam	2	Tác giả chính	Advances and Applications in Statistics/ISSN: 0972-3617	ISI (web of science)		62(1): 19-29	2020
52	Assessment of contribution of capital, labor, and total factor productivity in economic growth in Vietnam	2	Tác giả chính	Far East Journal of Applied Mathematics / ISSN: 0972-0960	IF: 0.89		106(1+2): 25-42	2020

*Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 5 (thuộc danh mục ISI, Scopus)*

*7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không*

*7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: không*

*7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không*

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

- Tham gia nhóm nghiên cứu “Đề án mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Tài chính-ngân hàng”, Trường Đại học Hòa Bình, năm 2016.

- Tham gia nhóm nghiên cứu “Đề án xây dựng Tạp chí Chính sách và Phát triển thuộc Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư” năm 2017.
- Tham gia nhóm nghiên cứu “Đề án xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chính quy chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công thuộc ngành Kinh tế” tại Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ kế hoạch và Đầu tư, năm 2018.
- Tham gia nhóm nghiên cứu “Đề án xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ chính sách công” tại Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2019.

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:** *Không*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

*Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2020*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



**Phùng Thế Đông**